



RETIREMENT PLANNING ACTIVITIES: CASES OF PRESCHOOL AND PRIMARY SCHOOL TEACHERS IN HANAM PROVINCE

Nguyen Dang Tue^{1*}, Nguyen Dinh Thai¹

¹Hanoi University of Science and Technology

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi67.245</p> <p><i>Received:</i> July 06, 2021</p> <p><i>Accepted:</i> November 22, 2022</p> <p><i>Published:</i> February 25, 2022</p> <p>Keywords: Retirement planning; Preschool; Primary school; Teachers.</p>	<p>Retirement planning is increasingly drawing worldwide interest both in personal finance practice and research, but this concept is rather new in Vietnam. This article analyzes retirement planning for preschool and primary school teachers in Ha Nam province. Data were collected through random sampling survey with 51 answers were obtained out of 57 distributed questionnaires. Research results showed that retirement planning activities are facing many constraints such as understanding of retirement policies, ability to estimate expenses and income in the period of retirement, responsible for retirement planning, retirement financial planning process and access to retirement financial products. Solutions and policies need to be implemented synchronously to improve retirement planning for this group of people.</p>

*Corresponding author:

Email: tue.nguyendang@hust.edu.vn



THỰC TRẠNG LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH HƯU TRÍ: TRƯỜNG HỢP GIÁO VIÊN MẦM NON VÀ TIỂU HỌC TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Đăng Tuệ^{1*}, Nguyễn Đình Thái¹

¹Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi67.245</p> <p><i>Ngày nhận:</i> 06/07/2021</p> <p><i>Ngày nhận lại:</i> 22/11/2021</p> <p><i>Ngày đăng:</i> 25/02/2022</p> <p>Từ khóa: Lập kế hoạch tài chính hưu trí; Mầm non; Tiểu học; Giáo viên.</p>	<p>Lập kế hoạch tài chính hưu trí ngày càng được quan tâm rộng rãi trên thế giới trong thực tiễn và nghiên cứu về tài chính cá nhân, nhưng còn khá mới ở Việt Nam. Bài viết này phân tích hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí cho đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam. Số liệu được thu thập thông qua điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên theo địa bàn với số quan sát 51 trên tổng số 57 phiếu khảo sát được phát. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí đang gặp phải rất nhiều hạn chế ở các khía cạnh như hiểu biết về các chính sách hưu trí, khả năng ước tính chi phí và thu nhập trong giai đoạn hưu trí, chịu trách nhiệm lập kế hoạch hưu trí, cách thức lập kế hoạch tài chính hưu trí và tiếp cận với sản phẩm tài chính dành cho hưu trí. Các giải pháp và chính sách cần được thực hiện đồng bộ để có thể cải thiện hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí cho nhóm đối tượng này.</p>

1. Bối cảnh nghiên cứu

Lập kế hoạch tài chính hưu trí là một khái niệm được sử dụng trong thực tiễn và nghiên cứu về tài chính cá nhân. Lập kế hoạch tài chính hưu trí là quá trình xác định các mục tiêu thu nhập cho hưu trí và các hành động và quyết định cần thiết để đạt được các mục tiêu đó. Lập kế hoạch tài chính hưu trí bao gồm việc xác định các nguồn thu nhập, ước tính chi phí, thực hiện một chương trình tiết kiệm và quản lý các tài sản (Petkoska & Earl, 2009).

Việt Nam đang trải qua các thay đổi lớn trong hệ thống hưu trí, theo đó có thể ảnh hưởng tới quyền lợi khi về hưu và tuổi về hưu của người lao động. Quỹ Bảo hiểm xã hội đang trong quá trình chuyển đổi với nhiều nhóm đối tượng có thời gian đóng và mức tham gia khác nhau, nên với cách tính hiện nay sẽ có không ít người hưởng lương hưu thấp. Vì thế, với những đối tượng tham gia Bảo hiểm xã hội có mức đóng thấp, cần phải chuẩn bị các nguồn thu nhập khác để bù đắp vào mức lương hưu thấp trong giai đoạn hưu trí. Đồng thời, người cao tuổi Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn và rủi ro không thể lường trước trong giai đoạn nghỉ hưu như sự suy thoái kinh tế, bệnh tật và thiếu

*Tác giả liên hệ:

Email: tue.nguyendang@hust.edu.vn

chăm sóc tuổi già. Vì những lý do trên, người lao động Việt Nam rất cần được trang bị kiến thức đầy đủ về chuẩn bị cho hưu trí, đặc biệt về mặt tài chính, để sẵn sàng đối mặt với những thách thức và khó khăn có thể gặp phải trong giai đoạn về hưu. Đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học khi về hưu có thể trở thành một trong những nhóm đối tượng có thể chịu nhiều tác động bởi sự già hóa dân số, các biến động của nền kinh tế cũng như sự thay đổi của hệ thống hưu trí Việt Nam. Cần có các giải pháp phù hợp để thúc đẩy hoạt động lập kế hoạch hưu trí sử dụng các sản phẩm bảo hiểm hưu trí và tăng cường đầu tư vào quỹ hưu trí tự nguyện bổ sung. Tỉnh Hà Nam là một địa phương có nhiều giáo viên mầm non và tiểu học và nhận được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh về vấn đề này. Bài nghiên cứu này trình bày các kết quả nghiên cứu cơ bản thu được từ hoạt động điều tra diễn ra ở Hà Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đối với đối tượng được khảo sát, hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí đang gặp phải rất nhiều hạn chế.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu về lập kế hoạch tài chính hưu trí trên thế giới được quan tâm ngày càng nhiều hơn trong một vài thập kỷ gần đây. Một số công trình tiêu biểu trên thế giới có thể kể đến như nghiên cứu của Pfau (2016), Pfau (2017), Pfau (2019), và Littell và cộng sự (2020). Brunhart (2008) trình bày về các hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí cá nhân và Parameswaran (2010) đưa ra cách kết hợp giữa quỹ đầu tư và hoạt động lập kế hoạch tài chính.

Các nghiên cứu có liên quan đến lập kế hoạch tài chính hưu trí ở Việt Nam rất ít. Liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc lập kế hoạch cho hưu trí, nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2017) thực hiện khảo sát với 257 người lao động ở khu vực nhà nước và tư nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra kết luận, hành vi tiết kiệm đều đặn của cá nhân và hiểu biết tài chính có quan hệ tích cực đối với lập kế hoạch cho hưu trí trong khi khu vực làm việc lại hầu như không có ảnh hưởng gì đến lập kế hoạch

cho hưu trí. Tuy vậy, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc đánh giá mức độ tài chính và hành vi tiết kiệm nói chung, không đi sâu vào phân tích hoạt động lập kế hoạch cho hưu trí. Như vậy, có thể thấy, cho đến nay, ở Việt Nam chưa có một nghiên cứu nào phản ánh cần kể nhận thức về lập kế hoạch tài chính hưu trí cũng như sự tiếp cận các sản phẩm – dịch vụ tài chính của người lao động để lập kế hoạch tài chính hưu trí. Đặc biệt, hoạt động chuẩn bị cho hưu trí của đối tượng giáo viên ở Việt Nam được rất ít các nghiên cứu trước đây đề cập đến. Vì vậy, nghiên cứu hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí của giáo viên mầm non và tiểu học tại tỉnh Hà Nam hướng tới việc khỏa lấp các khoảng trống nghiên cứu nói trên, để đưa ra bức tranh phản ảnh hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí tại Việt Nam.

3. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

Số liệu của bài viết này là một phần của bộ số liệu từ dự án “Lập kế hoạch tài chính hưu trí: nghiên cứu cho đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học ở Việt Nam”. Cấu phần số liệu dành cho bài viết này được thu thập trong tháng 1 và 2/2021 tại Hà Nam. Tổng cộng có 57 giáo viên đang tham gia giảng dạy tại các trường mầm non và tiểu học ở Hà Nam trong độ tuổi từ 40 đến 60 tham gia vào nghiên cứu. Trong đó, 51 câu trả lời hợp lệ, chiếm 89% tổng câu trả lời. Những người tham gia là các giáo viên trong biên chế tại các trường mầm non và tiểu học tại Hà Nam. Số lượng giáo viên tiểu học ở Hà Nam là 3087, số lượng giáo viên mẫu giáo là 4784 công tác tại 261 trường mẫu giáo và 139 Trường tiểu học. Số lượng giáo viên mầm non và tiểu học được phỏng vấn phân theo các địa bàn tỉnh Hà Nam bao gồm Thành phố Phủ Lý (4), Huyện Thanh Liêm (9), Huyện Bình Lục (9), Huyện Duy Tiên (9), Huyện Lý Nhân (11), Huyện Kim Bảng (9). Cách chọn mẫu được thực hiện ngẫu nhiên bằng cách chọn ngẫu nhiên mỗi huyện/thành phố (Thanh Liêm, Bình Lục, Duy Tiên, Lý Nhân, Kim Bảng, Phủ Lý) 1 trường mầm non và 1 trường tiểu học. Với mỗi trường nhóm nghiên cứu xin danh sách và thông tin liên lạc của các thầy cô trong

độ tuổi chuẩn bị hưu trí (40-60) thông qua lãnh đạo các Trường. Các thầy cô trong danh sách được đánh số và được lựa chọn thông qua chọn số ngẫu nhiên. Số lượng các thầy cô được chọn ở mỗi huyện tương ứng với quy mô dân số của mỗi huyện. Nhóm nghiên cứu gửi trước bảng hỏi cho các thầy cô qua email đồng thời gọi điện để lấy thông tin vào phiếu và phỏng vấn sâu đối với các thầy cô sẵn lòng nói chuyện dài qua điện thoại. Với những thầy cô từ chối cung cấp thông tin cho bảng hỏi, nhóm nghiên cứu phải chọn một số ngẫu nhiên khác trong danh sách. Một số giáo viên mặc dù đã nhận lời tham gia nhưng không hoàn thành hết bảng hỏi nên nhóm nghiên cứu chỉ thu lại được 51/57 bảng hỏi hoàn chỉnh. Những người tham gia trả lời đã hoàn thành trung bình 16,9 năm giáo dục và có thu nhập cá nhân trung bình là 12,8 triệu VND/tháng, độ tuổi trung bình 49,9. Trong mẫu khảo sát nữ chiếm đa số (92,2%) trong khi giáo viên nam chỉ chiếm 7,8%. Những đặc điểm về các đối tượng khảo sát nhìn chung tương ứng với những đặc điểm chung của giáo viên mầm non và tiểu học trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Hiểu biết về các chính sách hưu trí

Bảng 1 cung cấp thông tin về mức độ hiểu biết về các chính sách hưu trí. Các thông tin trong bảng cho thấy, giáo viên mầm non và tiểu học chưa nắm rõ các văn bản chính sách liên quan đến hưu trí (26 ý kiến Hoàn toàn không đồng ý (HTKĐY) và Không đồng ý (KĐY) so với 14 ý kiến Đồng ý (ĐY) và Hoàn toàn đồng ý (HTĐY)). Giáo viên mầm non và tiểu học cũng chưa hiểu rõ được các chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi (27 ý kiến HTKĐY và KĐY, không nắm được rõ các thay đổi của chính sách bảo hiểm xã hội liên quan đến hưu trí (28 ý kiến HTKĐY và KĐY). Chính vì vậy, họ cũng không chắc chắn được chính sách hưu trí đối với đối tượng giáo viên hiện nay là phù hợp (hầu hết các ý kiến trả lời Trung lập). Việc không nắm vững chính sách hưu trí của nhà nước có thể gây cản trở đến việc lập kế hoạch tài chính hưu trí. Điều này thể hiện ở số ít người nắm được cách tính toán được lương hưu từ bảo hiểm xã hội khi về hưu (32 ý kiến HTKĐY và KĐY).

Bảng 1. Mức độ hiểu biết về chính sách hưu trí

Các chính sách hưu trí	HTKĐY	KĐY	Trung lập	ĐY	HTĐY
Nắm rõ chính sách liên quan đến hưu trí	16	10	11	10	4
Nắm được cách tính toán được lương hưu từ bảo hiểm xã hội khi về hưu	12	20	5	10	4
Hiểu rõ được các chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi	10	17	12	9	3
Nắm được rõ các thay đổi của chính sách bảo hiểm xã hội liên quan đến hưu trí	14	14	8	7	8
Chính sách hưu trí đối với đối tượng giáo viên hiện nay là phù hợp	5	6	26	9	5

4.2. Khả năng ước tính chi phí và thu nhập trong giai đoạn hưu trí của giáo viên mầm non và tiểu học tỉnh Hà Nam

Khía cạnh thứ hai liên quan đến lập kế hoạch tài chính hưu trí liên quan đến khả năng ước tính chi phí và thu nhập trong giai đoạn hưu trí được trình bày trong Bảng 2. Thông tin trong bảng

cho thấy, tương tự với mức độ hiểu biết về các chính sách hưu trí, giáo viên mầm non và tiểu học thiếu khả năng ước tính chi phí và thu nhập trong giai đoạn hưu trí. Các giáo viên chưa nắm được cách ước tính các chi phí hằng tháng khi nghỉ hưu (31 ý kiến HTKĐY và KĐY). Họ cũng không tính toán được sự thay đổi chi phí hưu trí theo từng giai đoạn hưu trí (31 ý kiến HTKĐY

và KĐY). Điều này dẫn đến họ không rõ được các nguồn thu nhập của mình đủ để chi trả toàn bộ những chi phí trong giai đoạn hưu trí hay không. Một hệ quả khác là giáo viên mầm non và tiểu học tỉnh Hà Nam không chắc chắn được thu nhập hộ gia đình trong khi nghỉ hưu sẽ cung cấp mức sống kỳ vọng cũng như không biết cần tiết kiệm bao nhiêu tiền để duy trì mức sống

của gia đình khi nghỉ hưu (32 ý kiến HTKĐY và KĐY), không biết cách sử dụng các sản phẩm tài chính để tăng nguồn thu nhập hưu trí (29 ý kiến HTKĐY và KĐY). Thậm chí họ không biết được đã đóng góp được bao nhiêu năm cho quỹ hưu trí của bảo hiểm xã hội – một trong những điểm quan trọng nhất xác định mức lương hưu (30 ý kiến HTKĐY và KĐY).

Bảng 2. Khả năng ước tính chi phí và thu nhập trong giai đoạn hưu trí

Khả năng ước tính	HTKĐY	KĐY	Trung lập	ĐY	HTĐY
Biết được cách ước tính các chi phí hằng tháng khi nghỉ hưu	11	20	6	9	5
Tính toán được sự thay đổi chi phí hưu trí theo từng giai đoạn hưu trí	14	17	9	5	6
Các nguồn thu nhập đủ để chi trả toàn bộ những chi phí trong giai đoạn hưu trí	5	7	28	7	4
Tự tin rằng thu nhập hộ gia đình trong khi nghỉ hưu sẽ cung cấp mức sống kỳ vọng	9	8	29	4	1
Biết mình cần tiết kiệm bao nhiêu tiền để duy trì mức sống của gia đình khi nghỉ hưu	18	14	12	4	3
Biết được cách sử dụng các sản phẩm tài chính để tăng nguồn thu nhập hưu trí	17	12	12	8	2
Biết được đã đóng góp được bao nhiêu năm cho quỹ hưu trí của bảo hiểm xã hội	19	11	11	6	4

Các kết quả ở trên cho thấy, đối tượng được khảo sát không nắm vững được cách tính toán được lương hưu từ bảo hiểm xã hội cũng như không nắm rõ số năm đóng góp cho quỹ hưu trí của bảo hiểm xã hội. Tuy vậy, khi được hỏi dự định đảm bảo chi tiêu của bản thân và gia đình mình khi ở tuổi già như thế nào (Bảng 3), tất cả đối tượng được khảo sát (100%) đều dựa vào nguồn thu nhập từ hưu trí từ bảo hiểm xã hội. Các lựa chọn phổ biến tiếp theo là tiền tiết kiệm cá nhân (76,5% lựa chọn) và bán/cầm cố các tài sản phi tài chính trừ bất động sản (vàng, trang sức,...) cho thấy, đối tượng khảo sát nắm giữ tài sản khá nhiều ở hai dạng này. Điều này có thể không tối ưu trong giai đoạn chuẩn bị hưu trí vì tài khoản tiết kiệm và các tài sản phi tài chính có mức sinh lời thấp. Một tỷ lệ đáng kể dự định đảm bảo chi tiêu cho hưu trí thông qua cho thuê, bán bất động sản. Đáng chú ý có

tới 49,0% lựa chọn dựa vào thu nhập từ việc tự kinh doanh/tự cung cấp dịch vụ trong lúc nghỉ hưu và 35,3% lựa chọn dựa vào thu nhập từ lao động làm thuê trong lúc nghỉ hưu cho thấy, thực trạng một tỷ lệ lớn giáo viên mầm non và tiểu học dự định tiếp tục lao động trong giai đoạn nghỉ hưu. Điều này cũng cho thấy, họ chưa ý thức được những rủi ro về sức khỏe, không thể tiếp tục lao động sau giai đoạn hưu trí.

Một số ít giáo viên mầm non và tiểu học có lựa chọn trợ cấp chính phủ và trợ cấp từ doanh nghiệp/cơ quan đã làm việc/công tác là nguồn đảm bảo chi tiêu cho hưu trí. Tuy nhiên, rất ít trường mầm non và tiểu học cung cấp một khoản đáng kể cho các giáo viên về hưu ngoại trừ các khoản thăm hỏi Tết nguyên đán và Ngày hiến chương các nhà giáo 20-11 hằng năm. Về trợ cấp của Chính phủ với người về hưu, mức trợ cấp xã hội hằng tháng được quy định tại

Điều 6, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP theo đó chỉ những người về hưu không còn nơi nương tựa thuộc hộ nghèo mới được trợ cấp xã hội.

Mức trợ cấp này chỉ có thể đảm bảo một phần chi tiêu sinh hoạt tối thiểu, khó có thể tạo ra mức sống mong muốn khi về hưu.

Bảng 3. Nguồn đảm bảo chi tiêu cho hưu trí

Nguồn đảm bảo chi tiêu	Lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Hưu trí từ bảo hiểm xã hội	51	100,0
Nhận sự giúp đỡ, hỗ trợ tài chính từ bạn bè, làng xóm	5	9,8
Tiền tiết kiệm cá nhân	39	76,5
Trợ cấp của Chính phủ	3	5,9
Trợ cấp từ doanh nghiệp/cơ quan đã làm việc/công tác	2	3,9
Trợ cấp từ những thành viên khác trong gia đình	10	19,6
Chuyển đến một ngôi nhà ít tốn kém chi phí hơn	8	15,7
Cầm cố ngôi nhà	2	3,9
Cho thuê các phòng trong nhà	9	17,6
Cho thuê bất động sản (trừ ngôi nhà đang ở)	14	27,5
Bán bất động sản khác (trừ ngôi nhà đang ở)	11	21,6
Bán/cầm cố tài sản tài chính (cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư...)	2	3,9
Quyền lợi bảo hiểm nhân thọ	7	13,7
Bán/cầm cố các tài sản phi tài chính trừ bất động sản (vàng, trang sức...)	30	58,8
Tài sản thừa kế	8	15,7
Thu nhập từ việc tự kinh doanh/tự cung cấp dịch vụ trong lúc nghỉ hưu	25	49,0
Thu nhập từ lao động làm thuê trong lúc nghỉ hưu	18	35,3

4.3. Người chịu trách nhiệm lập kế hoạch hưu trí

Khi được hỏi ai là người có trách nhiệm chính trong việc đảm bảo mức thu nhập đầy đủ khi về hưu, chỉ có 10% số người được hỏi trả lời là không có người chịu trách nhiệm về vấn đề này (Bảng 4). Còn lại hầu hết đối tượng được hỏi tự

chịu trách nhiệm về mức thu nhập (74,5%). Một số ít dựa vào vợ, chồng hoặc bạn đời (7,8%), con (5,9%) và chia sẻ trách nhiệm với người khác (2%). Tỷ lệ dựa vào con rất thấp trong vấn đề thu nhập hưu trí cho thấy, giáo viên có tư tưởng tự độc lập trong giai đoạn hưu trí, không muốn trở thành gánh nặng cho con cái.

Bảng 4. Người chịu trách nhiệm về thu nhập hưu trí

Người chịu trách nhiệm	Lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Bản thân	38	74,5
Vợ/chồng/bạn đời	4	7,8
Con	3	5,9
Một người khác trong gia đình	0	0,0
Chia sẻ trách nhiệm với vợ/chồng/bạn đời hoặc với người khác	1	2,0
Không có ai	5	9,8

Trong số những người không lập kế hoạch tài chính hưu trí (13 người), các lý do được đưa ra để giải thích cho hành động này được trình bày trên Bảng 5. Theo đó, các lý do phổ biến

nhất được lựa chọn là không nghĩ về điều đó (61,5%) và cho rằng, bản thân mình còn trẻ, còn nhiều thời gian (53,8%). Đây là những lý do có thể gây ra nguy cơ vì việc trì hoãn việc

lập kế hoạch tài chính hưu trí hoặc thậm chí bỏ qua không nghĩ đến điều này, khiến cho số năm có thể sử dụng để chuẩn bị tài chính cho hưu trí ít đi. Điều này có thể đặc biệt nghiêm trọng đối với giáo viên mầm non và tiểu học là những người có mức lương trung bình không cao và tuổi lao động thấp, do các đặc thù nghề nghiệp. Tại một số địa phương, trong đó có Hà Nam có một số giáo viên mầm non và tiểu học phải nghỉ hưu sớm vì lý do sức khỏe. Giáo viên mầm non và tiểu học thường phải phụ trách lớp lớn, trông nom việc học tập, ăn nghỉ bán trú, sinh hoạt của rất nhiều học sinh hiếu động. Chính đặc thù công việc rất vất vả này bòn rút sức khỏe của họ.

Một số giáo viên mầm non và tiểu học không lập kế hoạch tài chính hưu trí với lý do phụ thuộc vào trợ cấp Chính phủ (4 người chọn tương ứng với 30,8% số người không lập kế hoạch tài chính hưu trí). Như trên đã đề cập ở Việt Nam với mức phúc lợi an sinh xã hội rất thấp, việc trông chờ vào trợ cấp của Chính phủ là một điều không hợp lý. Một số giáo viên mầm non và tiểu học không lập kế hoạch tài chính hưu trí cho rằng, mình sẽ phụ thuộc vào trợ cấp từ chồng/vợ hoặc phụ thuộc vào khoản thừa kế trong tương lai. Điều này cho thấy, nếu những người này mất đi các nguồn thu nhập này có thể sẽ gặp nhiều khó khăn khi bước vào giai đoạn hưu trí.

Bảng 5. Lý do không lập kế hoạch tài chính hưu trí

Lý do	Số lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Không làm việc đủ lâu	1	7,7
Thu nhập quá thấp	3	23,1
Có quá nhiều nợ	0	0,0
Phụ thuộc vào trợ cấp Chính phủ	4	30,8
Phụ thuộc vào trợ cấp từ chồng/vợ	5	38,5
Phụ thuộc vào khoản thừa kế trong tương lai	5	38,5
Phụ thuộc vào hỗ trợ từ gia đình	3	23,1
Không nghĩ về điều đó	8	61,5
Không nghĩ rằng mình sẽ sống đến lúc đó	1	7,7
Còn trẻ, còn nhiều thời gian	7	53,8
Khác	2	15,4

4.4. Cách thức lập kế hoạch tài chính hưu trí

Về cách thức lập kế hoạch tài chính hưu trí, phần lớn các giáo viên mầm non và tiểu học tự lập kế hoạch tài chính hưu trí, chỉ có 3% (tương ứng với 1 người được hỏi duy nhất) thực hiện việc lập kế hoạch tài chính hưu trí thông qua dịch vụ tư vấn tài chính. Điều này cho thấy, sự thiếu phổ biến của dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân ở địa phương cũng như niềm tin hạn chế của đối tượng được khảo sát với dịch vụ tư vấn tài chính cá nhân.

Trong số những người lập kế hoạch tài chính hưu trí, chỉ 39% có bản kế hoạch hưu trí. Số còn lại (61%) mặc dù cho rằng, mình lập kế hoạch tài chính hưu trí nhưng không có văn bản lưu lại. Điều này cho thấy, chất lượng

lập kế hoạch tài chính hưu trí đối với những người này không cao. Không có bản kế hoạch tài chính hưu trí đồng nghĩa với việc những nhu cầu, rủi ro tài chính trong giai đoạn hưu trí có thể không được liệt kê đầy đủ; những chi phí, thu nhập liên quan đến giai đoạn hưu trí có thể không được tính toán hoặc tính toán không chính xác. Việc không có bản kế hoạch hưu trí cũng có thể khiến cho người lập kế hoạch tài chính hưu trí thiếu các mốc để so sánh, điều chỉnh và đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu và thành công trong việc chuẩn bị tài chính cho hưu trí. Nghiêm trọng hơn, việc thiếu kế hoạch tài chính hưu trí bằng văn bản có thể khiến cho người chuẩn bị hưu trí lầm tưởng mình đã có một kế hoạch tài chính hưu trí trong khi thực tế họ chưa thực sự được chuẩn bị và tạo ra một

kế hoạch tài chính hưu trí đúng nghĩa. Kết quả này cũng tương thích với kết quả phỏng vấn sâu trong quá trình thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Hà Nam và một số địa phương khác, theo đó, những người được hỏi rất mơ hồ về các khái niệm liên quan đến lập kế hoạch tài chính hưu trí cũng như thực hiện theo các quy trình và các nội dung lập kế hoạch tài chính hưu trí.

Kết quả liên quan đến tỷ lệ tiết kiệm dự phòng cho hưu trí cho thấy, một bức tranh lạc quan hơn của đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học trong hoạt động chuẩn bị tài chính cho hưu trí. Kết quả cho thấy, có tới 82% giáo viên mầm non và tiểu học được hỏi đã chuẩn bị được một khoản dự phòng dành cho hưu trí. Điều này là một điểm tích cực vì việc bắt đầu tiết kiệm được một khoản tiền dành cho hưu trí bất kể khoản tiền đó lớn hay nhỏ đều là một dấu hiệu tích cực, vì cho thấy quá trình chuẩn bị tài chính cho hưu trí đã bắt đầu được thực hiện.

Về tỷ lệ tiếp tục làm việc sau khi nhận lương hưu, có tới 68% giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam được hỏi trả lời sẽ tiếp tục làm việc sau khi nhận lương hưu. Như đã thảo luận ở trên, công việc của giáo viên mầm non và tiểu học khá vất vả và có thể ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của đối tượng này trong giai đoạn hưu trí. Tuy vậy rất nhiều giáo viên mầm non và tiểu học chưa lường trước được các rủi ro về suy giảm sức khỏe này.

Việc thiếu nhận thức về rủi ro cũng thể hiện ở tỷ lệ thấp số người lập kế hoạch tài chính hưu trí hiểu được cách phân bổ tài sản để hạn chế rủi ro (chỉ 24%). Đây là một nhược điểm lớn vì việc phân bổ tài sản là một kỹ năng quan trọng đảm bảo thu nhập cho hưu trí. Tương tự, chỉ có

29% người lập kế hoạch tài chính hưu trí nhận thức được rủi ro về cạn kiệt nguồn tài chính. Tỷ lệ thấp này cho thấy, đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam cần được hỗ trợ nhiều hơn về khía cạnh này trong việc lập kế hoạch tài chính hưu trí.

4.5. Tình hình tiếp cận với sản phẩm tài chính dành cho hưu trí của giáo viên

Thông tin về tiếp cận với sản phẩm tài chính dành cho hưu trí được thể hiện trên Bảng 6. Theo đó, có 19,6% người được hỏi biết về các sản phẩm bảo hiểm hưu trí. Tuy vậy, chỉ có 13,7% người được hỏi nhận thức được tác dụng của sản phẩm bảo hiểm hưu trí và 9,8% người được hỏi có thể nêu tên một sản phẩm bảo hiểm hưu trí cụ thể. Trong đó, chỉ 2 người được hỏi sử dụng sản phẩm bảo hiểm hưu trí mặc dù sản phẩm này đã được đưa ra thị trường từ lâu.

Với quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện, chỉ 3 người biết về quỹ này, 1 người nắm được tác dụng và không người được hỏi nào sẵn sàng tham gia vào quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện. Điều này cho thấy, sự thất bại của chính sách liên quan đến quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện nhằm xây dựng một trụ cột cho hưu trí ở Việt Nam. Đề án hình thành và phát triển chương trình hưu trí tự nguyện tại Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 144/2014 và Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 88/2016 về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện với 2 mục tiêu là đảm bảo an sinh xã hội và tạo nguồn vốn đầu tư dài hạn vào thị trường chứng khoán. Tuy vậy, các tổ chức và người lao động chưa thấy được lợi ích đủ hấp dẫn để thu hút họ tham gia quỹ hưu trí tự nguyện.

Bảng 6. Tỷ lệ tiếp cận với sản phẩm tài chính dành cho hưu trí

Tiếp cận với sản phẩm tài chính	Số lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Biết về các sản phẩm bảo hiểm hưu trí	10	19,6
Nhận thức được tác dụng của sản phẩm bảo hiểm hưu trí	7	13,7
Có thể nêu tên một sản phẩm bảo hiểm hưu trí cụ thể	5	9,8
Có sử dụng sản phẩm bảo hiểm hưu trí	2	3,9
Biết về quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	3	5,9
Nhận thức được tác dụng của quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	1	2,0
Sẵn sàng đóng góp vào quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện	0	0,0

Ngoài các sản phẩm đặc thù phục vụ riêng cho hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí, những người lập kế hoạch hưu trí có thể sử dụng kết hợp các sản phẩm tài chính khác nhau để lập kế hoạch tài chính hưu trí cho mình. Khi được hỏi về những tiêu chí quan trọng để lựa chọn một sản phẩm/dịch vụ tài chính phục vụ cho giai đoạn tích lũy để chuẩn bị hưu trí (Bảng 7), giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam, đặc biệt quan tâm đến tỷ suất lợi nhuận và khả năng theo dõi và tự quản lý (đều có 94,1% lựa chọn). Việc muốn tự mình theo dõi và quản lý cũng tương đồng với kết quả ở trên cho thấy, các giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam ít sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính mà muốn tự mình theo dõi tình hình tài chính. Nhân tố tiếp theo được nhiều người được hỏi lựa chọn là khả năng được miễn/giảm thuế. Thực tế ở Việt Nam rất ít sản phẩm tài chính hưu trí tạo ra cho người đầu tư khả năng được miễn giảm thuế. Trong khi đó, các sản phẩm tài chính đơn giản thông thường như tài khoản tiết kiệm ngân hàng thực chất không chịu thuế. Như trên đã đề cập, các sản phẩm tài chính cho hưu trí đem lại ưu đãi thuế rất thấp. Ví dụ, mức đóng góp của người lao động và người sử dụng lao động tham gia vào quỹ hưu trí tự nguyện được miễn thuế ở mức 3 triệu đồng/người/tháng là quá thấp, không tạo được động lực cho các bên mặn mà tham gia. Điều này cho thấy, việc thiết kế sản phẩm tài chính phù hợp cho giai đoạn tích lũy để chuẩn bị hưu trí và được ưu đãi nhiều hơn về thuế tương tự như các quốc gia phát triển có thể khuyến khích các đối tượng chuẩn bị tốt hơn cho giai đoạn hưu trí.

Một điểm đáng lưu ý khác là trong việc lựa chọn sản phẩm tài chính phục vụ cho giai đoạn tích lũy để chuẩn bị hưu trí, đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam được khảo sát không đánh giá cao ý kiến của người làm chuyên môn (chỉ 45,1% người được hỏi chọn ý kiến của các chuyên gia tài chính là yếu tố để lựa chọn một sản phẩm/dịch vụ tài chính). Trong khi đó, có tới 82,4% lựa chọn sản phẩm dựa trên việc được người khác giới thiệu. Điều này cho thấy, sự ảnh hưởng của thông tin truyền miệng và sự phụ thuộc vào ý kiến của người khác mặc dù

những người này có thể không có chuyên môn. Điều này có thể dẫn đến việc lựa chọn những sản phẩm tài chính không thực sự phù hợp từ những ảnh hưởng hoặc kinh nghiệm sai lầm.

Khi được hỏi về những tiêu chí để lựa chọn một sản phẩm/dịch vụ tài chính phục vụ cho giai đoạn hưu trí, các lựa chọn của đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam cho thấy, sự tương tự với những tiêu chí để lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính phục vụ cho giai đoạn chuẩn bị hưu trí. Sự tương tự này không phù hợp vì giai đoạn tích lũy để chuẩn bị tài chính cho hưu trí và giai đoạn hưu trí có những đặc điểm khác nhau nên cần sử dụng những sản phẩm tài chính khác nhau. Cụ thể, kết quả trên Bảng 7 cho thấy, chỉ có 47 giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam được hỏi lựa chọn luồng thu nhập mang lại là tiêu chí quan trọng để lựa chọn sản phẩm phục vụ cho giai đoạn hưu trí. Điều này cho thấy, sự chưa quan tâm đủ đến luồng thu nhập khi lựa chọn sản phẩm phục vụ cho giai đoạn hưu trí trong khi luồng thu nhập là yếu tố quan trọng nhất trong giai đoạn này (do người về hưu không cần tích lũy mà cần tập trung vào việc sử dụng các nguồn tài chính của mình để tạo ra thu nhập đáp ứng nhu cầu cá nhân). Bên cạnh đó, thời gian duy trì thu nhập trong giai đoạn hưu trí cũng chưa được các đối tượng khảo sát quan tâm thể hiện qua việc chỉ có 52,9% số giáo viên mầm non và tiểu học ở Hà Nam được hỏi coi đây là tiêu chí quan trọng. Điều này đáng lo ngại vì bên cạnh luồng thu nhập mang lại, thời gian duy trì luồng thu nhập cũng rất quan trọng để đối phó với rủi ro tuổi thọ cao.

Tương tự khi lựa chọn sản phẩm phục vụ cho giai đoạn chuẩn bị hưu trí, giáo viên mầm non và tiểu học được hỏi tỏ ra quan tâm khá nhiều đến chi phí khi lựa chọn sản phẩm tài chính trong giai đoạn hưu trí (38 người coi đây là tiêu chí quan trọng tương ứng với 74,5%).

Tuy nhiên, điều đặc biệt là giáo viên mầm non và tiểu học được hỏi rất quan tâm đến tỷ suất lợi nhuận mặc dù tỷ lệ lựa chọn tiêu chí này khi lựa chọn sản phẩm tài chính trong giai đoạn hưu trí thấp hơn so với sản phẩm phục

vụ cho giai đoạn chuẩn bị hưu trí (88,2% so với 94,1%). Điều này là không phù hợp. Tỷ suất lợi nhuận cao không nên được coi là tiêu chí quan trọng nhất khi lựa chọn sản phẩm tài chính trong giai đoạn hưu trí vì tỷ suất lợi nhuận cao thường đi kèm với rủi ro cao trong khi người về hưu thường có khả năng chịu đựng rủi ro tài chính thấp.

Tương tự khi lựa chọn sản phẩm phục vụ cho giai đoạn chuẩn bị hưu trí, giáo viên mầm non và tiểu học khi lựa chọn sản phẩm tài chính trong giai đoạn hưu trí không đánh giá cao ý kiến của chuyên gia (chỉ có 25 người lựa chọn tiêu chí này) và tiêu chí uy tín thương hiệu (chỉ có 22 người lựa chọn tiêu chí này) trong khi vẫn phụ thuộc nhiều vào ý kiến người khác (có tới 40 người lựa chọn tiêu chí được người khác giới thiệu). Điều này rất nguy hiểm do việc lựa chọn theo cảm tính những sản phẩm

tài chính không phù hợp trong giai đoạn hưu trí sẽ đem lại những hậu quả không thể đảo ngược. Những người về hưu khó có cơ hội để khắc phục những sai lầm tài chính đã mắc phải do không còn nguồn lực và thời gian.

Giống như khi lựa chọn sản phẩm phục vụ cho giai đoạn chuẩn bị hưu trí, giáo viên mầm non và tiểu học khi lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính phục vụ giai đoạn hưu trí vẫn muốn tự mình theo dõi và quản lý (có 76,5% số người trả lời lựa chọn tiêu chí này). Điều này cho thấy, họ chưa ý thức được sự suy giảm khả năng trong giai đoạn về hưu có thể sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến khả năng tự quản lý tài chính. Việc có rất nhiều người khi lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính phục vụ giai đoạn hưu trí đưa ra tiêu chí khả năng được miễn/giảm thuế cho thấy, sự bất hợp lý do giai đoạn này người về hưu có rất ít thu nhập chịu thuế.

Bảng 7. Tiêu chí lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính

Tiêu chí lựa chọn	Giai đoạn tích lũy chuẩn bị hưu trí		Giai đoạn hưu trí	
	Lựa chọn	Tỷ lệ (%)	Lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Luồng thu nhập mang lại	25	49,0	24	47,1
Thời gian duy trì thu nhập	27	52,9	27	52,9
Chi phí sử dụng sản phẩm/dịch vụ	37	72,5	38	74,5
Tỷ suất lợi nhuận	48	94,1	45	88,2
Uy tín/thương hiệu của đơn vị cung cấp	31	60,8	22	43,1
Được chuyên gia tài chính khuyên sử dụng	23	45,1	25	49,0
Khả năng theo dõi và tự quản lý	48	94,1	39	76,5
Khả năng được miễn/giảm thuế	44	86,3	41	80,4
Được người khác giới thiệu	42	82,4	40	78,4
Tính linh hoạt trong việc lựa chọn các sản phẩm đầu tư	27	52,9	17	33,3
Khả năng kết nối	23	45,1	19	37,3

Để xem xét sâu hơn cách thức giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính, có thể xem xét kết quả khảo sát trong Bảng 8. Các kết quả trong bảng cho thấy, đối tượng này rất thận trọng trong việc lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính. Cụ thể đa số người được hỏi cho biết, bản thân là người lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính mà mình sử dụng (42 lựa chọn ĐY và HTĐY).

Trước khi sử dụng sản phẩm, giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam tìm hiểu thông tin về sản phẩm/dịch vụ tài chính đó từ nhiều nguồn khác nhau (41 lựa chọn ĐY và HTĐY). Đối tượng được khảo sát cũng cân nhắc tới những sản phẩm/dịch vụ tài chính thay thế trước khi lựa chọn một sản phẩm/dịch vụ tài chính (40 lựa chọn ĐY và HTĐY). Họ cũng thể hiện sự kiên trì khi thực hiện tìm kiếm cho

tới khi tìm thấy sản phẩm/dịch vụ tài chính phù hợp nhất với nhu cầu (40 lựa chọn ĐY và HTĐY), đọc kỹ điều khoản và điều kiện chi tiết của sản phẩm/dịch vụ tài chính (42 lựa chọn ĐY và HTĐY) cũng như kiểm tra điều khoản và điều kiện chi tiết của sản phẩm/dịch vụ tài chính trước khi lựa chọn (45 lựa chọn ĐY và HTĐY). Giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam khi được hỏi ý kiến cũng thể hiện việc cần nhiều thông tin hơn để có thể đưa ra những lựa chọn tốt hơn về những sản phẩm/dịch vụ tài chính (44 lựa chọn ĐY và HTĐY) và cho rằng, chưa có đủ thông tin về các loại sản phẩm/dịch vụ tài chính khác nhau (chỉ có 11 lựa chọn ĐY

và HTĐY). Họ cũng thể hiện sự băn khoăn với các nguồn thông tin khi chưa chắc chắn về sự đáng tin cậy của những thông tin sẵn có về các sản phẩm/dịch vụ tài chính (chỉ có 15 lựa chọn ĐY và HTĐY) và sự rõ ràng, dễ hiểu của những thông tin sẵn có về các sản phẩm/dịch vụ tài chính (chỉ có 14 lựa chọn ĐY và HTĐY).

Sự thận trọng trong lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính cho thấy, nếu giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam nắm được cách thức lựa chọn sản phẩm phục vụ hữu trí và các thông tin chi tiết, rõ ràng về các sản phẩm dịch vụ đó, họ có thể hoàn toàn có khả năng lựa chọn sản phẩm/dịch vụ phù hợp cho mình.

Bảng 8. Cách thức lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính

Cách thức lựa chọn	HTKĐY	KĐY	Trung lập	ĐY	HTĐY
Bản thân là người lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính	0	6	3	10	32
Tìm hiểu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau trước khi sử dụng sản phẩm	0	7	3	11	30
Cân nhắc những sản phẩm/dịch vụ tài chính thay thế trước khi lựa chọn	0	8	3	13	27
Tìm kiếm cho tới khi tìm thấy sản phẩm/dịch vụ phù hợp nhất với nhu cầu	0	8	3	17	23
Đọc kỹ điều khoản và điều kiện chi tiết của sản phẩm/dịch vụ tài chính	0	5	4	20	22
Kiểm tra điều khoản và điều kiện chi tiết trước khi lựa chọn	0	1	5	20	25
Cần nhiều thông tin hơn để đưa ra lựa chọn tốt hơn	0	2	5	19	25
Có đủ thông tin về các loại sản phẩm/dịch vụ tài chính khác nhau	0	12	28	6	5
Những thông tin sẵn có về các sản phẩm/dịch vụ tài chính là đáng tin cậy	0	26	10	8	7
Những thông tin sẵn có về các sản phẩm/dịch vụ tài chính là rõ ràng, dễ hiểu	0	26	11	9	5

Khi được hỏi về mức độ quan trọng của các nguồn thông tin về sản phẩm dịch vụ tài chính (Bảng 9), ý kiến của đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học ở Hà Nam cho thấy, một số điểm đáng lưu ý. Mặc dù vẫn còn khá bảo thủ khi dựa vào các nguồn thông tin từ cơ quan truyền thông của nhà nước (76,5% người được hỏi chọn phương án này) và cơ quan công tác (68,6% người được hỏi chọn phương án này), giáo viên mầm non và tiểu học tỉnh Hà Nam tỏ ra cởi mở hơn với các kênh thông tin mới. Kênh internet có thể ảnh hưởng mạnh mẽ tới quyết định lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính khi

có tới 56,9% người được hỏi lựa chọn phương án này. Tương tự như các kết quả đã trình bày ở phần trên, khi lựa chọn sản phẩm/dịch vụ tài chính, các giáo viên có ít niềm tin vào chuyên gia (chỉ 29,4% người được hỏi chọn phương án này) trong khi phụ thuộc rất nhiều vào ý kiến giới thiệu của bạn bè, người thân bất chấp họ không có kiến thức tài chính hữu trí chính thống (có tới 82,4% người được hỏi chọn phương án này). Thông tin về sản phẩm/dịch vụ tài chính từ chi nhánh của một ngân hàng/công ty cũng cho thấy, đây là một kênh tiếp cận hiệu quả (có tới 49,0% người được hỏi chọn phương án này).

Các kênh thông tin còn lại như thông tin về sản phẩm/dịch vụ tài chính được gửi qua hòm thư/email, thông tin từ đội ngũ bán hàng của công

ty ảnh hưởng yếu tới quyết định lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính.

Bảng 9. Mức độ quan trọng của các nguồn thông tin về sản phẩm dịch vụ tài chính

Nguồn thông tin về sản phẩm dịch vụ tài chính	Lựa chọn	Tỷ lệ (%)
Thông tin gửi qua hòm thư/email	10	19,6
Thông tin từ chi nhánh ngân hàng/công ty	25	49,0
Thông tin về sản phẩm/dịch vụ tài chính qua internet	29	56,9
Thông tin từ đội ngũ bán hàng về sản phẩm/dịch vụ tài chính	8	15,7
Thông tin từ các cơ quan truyền thông của nhà nước	39	76,5
Thông tin từ các cơ quan truyền thông của tư nhân	9	17,6
Ấn phẩm/ tạp chí chuyên ngành	3	5,9
Giới thiệu từ chuyên gia tài chính	15	29,4
Lời khuyên từ Bạn bè/người thân	42	82,4
Lời khuyên từ doanh nghiệp/cơ quan làm việc/công tác	35	68,6
Các chương trình quảng cáo	11	21,6
Khác	1	2,0

Thông tin về các sản phẩm/dịch vụ tài chính được đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học đã và đang sử dụng được trình bày trên Bảng 10. Thông tin trên bảng cho thấy, giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam đã và đang tiếp xúc, sử dụng rất nhiều các sản phẩm/dịch vụ tài chính khác nhau thể hiện mức độ phổ cập tài chính rất cao. Thực tế Hà Nam mặc dù không phải là trung tâm tài chính nhưng lại rất gần thủ đô Hà Nội và có nhiều khu công nghiệp. Do vậy, người dân Hà Nam nói chung và giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh này nói riêng có nhiều thuận lợi khi tiếp cận các sản phẩm dịch vụ tài chính. Vấn đề ở đây là việc họ sử dụng các sản phẩm/dịch vụ tài chính này như thế nào để có thể lập kế hoạch tài chính hưu trí thành công. Các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng được rất nhiều người trong nhóm đối tượng được phỏng vấn sử dụng như: Gửi tiết kiệm, thẻ ATM, thanh toán/chuyển tiền qua ngân hàng. Một số dịch vụ ngân hàng mới hiện đại cũng đã bắt đầu được sử dụng nhiều như ngân hàng điện tử, ví điện tử thể hiện sự cập nhật trong việc sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính.

Tuy nhiên, có một số điểm đáng lưu ý khi nhìn vào Bảng 10. *Điểm thứ nhất* là sự chưa cân đối giữa các dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm. Các giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà

Nam sử dụng rất nhiều dịch vụ ngân hàng trong khi dịch vụ bảo hiểm sử dụng khá ít cả dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (chỉ có 11 người lựa chọn) và bảo hiểm nhân thọ (18 người lựa chọn). Trong bối cảnh các sản phẩm quỹ đầu tư cho hưu trí ở Việt Nam còn hạn chế, việc tiếp xúc ít với các sản phẩm bảo hiểm giới hạn các lựa chọn trong việc lập kế hoạch hưu trí. Một số người đã từng sử dụng bảo hiểm nhân thọ nhưng hiện tại không sử dụng nữa (14 người lựa chọn) cho thấy, sự gắn kết, tin tưởng lâu dài với bảo hiểm nhân thọ không cao. *Điểm thứ hai* là việc tiếp xúc với các sản phẩm tài chính đầu tư của giáo viên mầm non và tiểu học ở tỉnh Hà Nam rất hạn chế. Rất ít người sử dụng các công cụ tài chính đầu tư như trái phiếu, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư. Điều này khiến cho việc lập kế hoạch tài chính hưu trí dựa chủ yếu vào các sản phẩm tích lũy ngân hàng trong khi mức lãi suất ngân hàng thương mại đang có xu hướng giảm dần. *Điểm thứ ba* là những hoạt động tài chính của đối tượng được phỏng vấn cũng chứa đựng một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến việc chuẩn bị tài chính cho hưu trí. Một số người đang mua nhà hoặc mua xe trả góp và có các khoản vay tiêu dùng cho thấy, họ vẫn có thể phải tiếp tục trả các khoản nợ khi bắt đầu bước vào giai đoạn hưu trí.

Bảng 10. Các sản phẩm dịch vụ tài chính đã sử dụng

Các sản phẩm dịch vụ tài chính	Đang sử dụng	Đã sử dụng nhưng không sử dụng nữa
Gửi tiết kiệm	45	0
Mua nhà/mua xe trả góp	15	1
Vay tiêu dùng	20	3
Thẻ ghi nợ (debit card)	2	10
Thẻ tín dụng (credit card)	10	12
Thẻ ATM	51	0
Thanh toán/Chuyển tiền qua ngân hàng	51	0
Ngân hàng điện tử	39	10
Cổ phiếu	10	14
Trái phiếu	5	2
Chứng chỉ quỹ đầu tư	3	2
Bảo hiểm nhân thọ	18	14
Bảo hiểm phi nhân thọ (ngoài các bảo hiểm bắt buộc)	11	0
Ví điện tử	12	8
Cầm đồ	15	9

5. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả khảo sát cho thấy, giáo viên mầm non và tiểu học tỉnh Hà Nam nhìn chung đã có một số hiểu biết cơ bản về việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tài chính. Việc sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ tài chính linh hoạt có thể giúp họ thực hiện tốt hơn việc lập kế hoạch tài chính hưu trí khi nắm được đầy đủ các bước của quá trình này. Một tỷ lệ đáng kể giáo viên mầm non và tiểu học tỉnh Hà Nam đã có tích lũy để chuẩn bị cho giai đoạn hưu trí và thực hiện lập kế hoạch tài chính hưu trí mặc dù chưa tuân theo đầy đủ các bước theo quy trình. Tuy vậy, kết quả cũng cho thấy, một số vấn đề cản trở hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí như sau.

Thứ nhất, kết quả khảo sát cho thấy, giáo viên mầm non và tiểu học chưa nắm rõ các văn bản chính sách liên quan đến hưu trí, chưa hiểu rõ được các chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi, không nắm được rõ các thay đổi của chính sách bảo hiểm xã hội liên quan đến hưu trí. Hiểu biết tài chính hưu trí hạn chế là điểm cản trở quan trọng trong việc lập kế hoạch tài chính hưu trí. Các quy trình trong việc lập kế hoạch tài chính hưu trí chưa được nắm bắt

đầy đủ. Việc lập kế hoạch tài chính hưu trí bằng giấy bút, tự tính toán dẫn tới những kết quả chưa chính xác và không có các kịch bản khác nhau đối với giai đoạn hưu trí.

Thứ hai, một tỷ lệ lớn giáo viên mầm non và tiểu học dự định tiếp tục lao động trong giai đoạn nghỉ hưu cho thấy, họ chưa ý thức được những rủi ro về sức khỏe trong giai đoạn hưu trí. Vẫn còn một tỷ lệ đáng kể giáo viên chưa có ý thức chuẩn bị tài chính cho hưu trí và chưa có người chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo mức thu nhập đầy đủ khi về hưu. Một số người chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc chuẩn bị lập kế hoạch tài chính hưu trí. Tỷ lệ nhận thức rủi ro cạn kiệt nguồn tài chính trong giai đoạn hưu trí rất thấp. Thêm vào đó, nhiều người chưa hiểu được cách phân bổ tài sản để hạn chế rủi ro.

Thứ ba, về góc độ tự lập kế hoạch tài chính hưu trí, kết quả cho thấy, giáo viên đã có ý thức chuẩn bị tài chính cho giai đoạn hưu trí của mình. Một tỷ lệ lớn giáo viên tỉnh Hà Nam được hỏi đã chuẩn bị được một khoản dự phòng dành cho hưu trí. Tuy nhiên, các giáo viên gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các công cụ để tự mình lập kế hoạch tài chính hưu trí. Họ

không có khả năng ước tính các thu nhập, chi phí trong giai đoạn hưu trí phục vụ cho việc lập kế hoạch tài chính hưu trí. Chỉ số ít năm được cách tính toán lương hưu từ bảo hiểm xã hội khi về hưu. Các giáo viên mầm non và tiểu học tỉnh Hà Nam cũng chưa nắm được cách ước tính các chi phí hằng tháng khi nghỉ hưu. Họ cũng không tính toán được sự thay đổi chi phí hưu trí theo từng giai đoạn hưu trí cũng như không rõ được các nguồn thu nhập của mình đủ để chi trả toàn bộ những chi phí trong giai đoạn hưu trí hay không cũng như không chắc chắn được liệu thu nhập hộ gia đình trong khi nghỉ hưu sẽ cung cấp mức sống mà họ kỳ vọng. Họ cũng không tính toán được mình cần tiết kiệm bao nhiêu tiền để duy trì mức sống của gia đình khi nghỉ hưu. Nói cách khác, việc lập kế hoạch tài chính hưu trí của giáo viên mầm non và tiểu học Hà Nam mới dừng ở những ý tưởng chứ chưa được cụ thể hóa bằng các con số.

Thứ tư, kết quả nghiên cứu cho thấy, tình hình phổ cập tài chính cho hưu trí của đối tượng giáo viên còn ở mức rất thấp. Giáo viên chủ yếu phụ thuộc vào hưu trí từ bảo hiểm xã hội bắt buộc, ít tiếp cận và sử dụng các sản phẩm hưu trí của các công ty bảo hiểm cung cấp. Các chương trình hưu trí bổ sung như hưu trí bổ sung tự nguyện giúp người tham gia tự đầu tư và quản lý danh mục của mình cũng chưa được đối tượng này sử dụng. Các giáo viên mầm non

và tiểu học ở Hà Nam chủ yếu sử dụng các sản phẩm tài chính ngân hàng và lưu trữ các tài sản dành cho hưu trí của mình dưới dạng tiền tiết kiệm và bất động sản, ít tiếp cận được những sản phẩm chuyên biệt dành cho hưu trí. Họ sử dụng rất ít các sản phẩm tài chính đầu tư như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư cũng như tiếp cận một cách hạn chế với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. Điều này giới hạn sự linh hoạt trong việc kết hợp các sản phẩm tài chính để lập kế hoạch tài chính hưu trí cũng như thực hiện phân tán các rủi ro và thực hiện các chiến lược đầu tư.

Để khắc phục các hạn chế nói trên nhằm giúp hoạt động lập kế hoạch tài chính hưu trí được thực hiện tốt, các giải pháp như triển khai các hoạt động lập kế hoạch hưu trí phối hợp với bảo hiểm xã hội, thực hiện các chương trình giáo dục tài chính cho đối tượng giáo viên mầm non và tiểu học và thúc đẩy hoạt động lập kế hoạch hưu trí thông qua các phần mềm quản lý tài chính cá nhân cần được nghiên cứu triển khai thực hiện.

Lời cảm ơn

Bài báo này công bố một phần kết quả của đề tài NCKH công nghệ cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số B2021-BKA-22 được triển khai thực hiện tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- Brunhart, N. (2008). *Individual financial planning for retirement: Empirical insights from the affluent segment in Germany*. Springer Science & Business Media. <https://doi.org/10.1007/978-3-7908-1998-4>.
- Do, H. (2017). Financial literacy and retirement planning in Vietnam. *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, 33(2), 61-72. doi:10.25073/2588-1116/vnupam.4078
- Littell, D. A., Pfau, W. D., Parrish, S., & Slabach, C. (2020). *Sources of Retirement Income*, Third Edition. American College.
- Nguyen, T. A. N., Belás, J., Habánik, J., & Schönfeld, J. (2017). Preconditions of Financial Safety during Lifecycle: The Financial Literacy and Retirement Planning in Vietnam. *Journal of Security and Sustainability Issues*, 6(4), 627-636. doi:10.9770/jssi.2017.6.4(8)
- Parameswaran, S. K. (2010). *Mutual Funds and Retirement Planning*. McGraw-Hill Education (India) Pvt Limited.
- Petkoska, J., & Earl, J. K. (2009). Understanding the influence of demographic and psychological variables on retirement planning. *Psychol Aging*, 24(1), 245-251. doi:10.1037/a0014096
- Pfau, W. D. (2012). *Choosing a Retirement Income Strategy: Outcome Measures and Best Practices*. University Library of Munich, Germany. <https://doi.org/10.2139/ssrn.2544649>

- Pfau, W. D. (2017). *How Much Can I Spend in Retirement?: A Guide to Investment-Based Retirement Income Strategies*. Retirement Researcher Media.
- Pfau, W. D. (2018). An Overview of Retirement Income Planning. *Journal of Financial Counseling and Planning*, 29(1), 114–120. <https://doi.org/10.1891/1052-3073.29.1.114>
- Pfau, W. D. (2019). *Safety-first retirement planning: An integrated approach for a worry-free retirement*. Retirement Researcher Media.